

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
(Ban hành kèm theo Quyết định số 565/QĐ-CDSP ngày 25/8/2025 của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên)

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Giáo dục Mầm non
- Tên tiếng Anh: Early Childhood Education

2. Mã ngành đào tạo: 51140201

3. Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

4. Tên văn bằng: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và thực tế giáo dục của địa phương.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên đáp ứng được những yêu cầu của GDMN. Giáo viên mầm non được đào tạo có đủ phẩm chất đạo đức, sức khỏe và năng lực thực hiện các công việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non; có khả năng nghiên cứu khoa học để giảng dạy; có khả năng tự bồi dưỡng, tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động thích ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non và học tiếp ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến thức

Vận dụng được kiến thức cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

Vận dụng được kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành vào quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của GDMN.

b) Kỹ năng

Có kỹ năng phát triển chương trình GDMN, xây dựng môi trường giáo dục,

lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

Có kỹ năng quản lý nhóm/lớp mầm non, nghiên cứu khoa học về GDMN.

Có kỹ năng giao tiếp, tư vấn, phối hợp, truyền thông trong thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tuân thủ và chủ động thực hiện các quy định chung, quy định của GDMN.

Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; biết chịu trách nhiệm cá nhân và tự đánh giá, đánh giá, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ.

Tự học và thích ứng trong các điều kiện thay đổi.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CTĐT)

3.1. Về kiến thức

a) Kiến thức chung

CH01: Vận dụng được những kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

b) Kiến thức cơ bản

CH02: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, cần thiết vào việc nghiên cứu, tìm hiểu kiến thức chuyên ngành GDMN; hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

c) Kiến thức chuyên ngành

CH03: Hiểu và vận dụng kiến thức về phát triển thể chất, tâm lý, ngôn ngữ, vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh cho trẻ mầm non để thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

CH04: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về phát triển chương trình, đánh giá, quản lý trong giáo dục mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

CH05: Hiểu và vận dụng các kiến thức về phương pháp để thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm-kĩ năng xã hội, thẩm mỹ.

CH06: Ứng dụng các kiến thức về công nghệ thông tin: phần mềm, trí tuệ nhân tạo (AI) trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non nhằm phát triển năng lực số của sinh viên đáp ứng mức độ cơ bản trong khung năng lực số (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3.2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nhận thức

CH07: Phát hiện và giải quyết được vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

b) Kỹ năng thực hành nghề nghiệp

CH08: Kỹ năng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; vận dụng kiến thức để đảm bảo an toàn cho trẻ, phòng tránh một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ, hướng dẫn trẻ biết tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân.

Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp để tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả.

Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; thực hiện nghiên cứu sư phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non; ứng dụng một số kiến thức tự chọn vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

c) Kỹ năng giao tiếp, ứng xử

CH09: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả với các đối tượng khác nhau; quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp; thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp.

d) Năng lực ngoại ngữ

CH10: Có năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CH11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, làm việc trong điều kiện thay đổi; tự đánh giá chất lượng công việc của bản thân và đồng nghiệp; giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

CH12: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, phụ huynh và chịu trách nhiệm cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3.4. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non, các nhóm trẻ.
- Chuyên viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan quản lý giáo dục.
- Chuyên viên tại các tổ chức có đối tượng là trẻ mầm non.
- Tư vấn viên về giáo dục mầm non.
- Làm việc tại các cơ sở chăm sóc và can thiệp cho trẻ rối loạn.

3.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng học tập ở các trình độ đại học, sau đại học thuộc chuyên ngành Giáo dục Mầm non hoặc các chuyên ngành khác có liên quan.

4. Thời gian đào tạo: 3 năm.

5. Nội dung Chương trình đào tạo

5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình dạy học được chia làm 3 khối kiến thức - kỹ năng, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng trong mỗi khối được trình bày trong bảng sau:

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ	Đóng góp CDR
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	21	1, 6, 7, 8, 9, 10,11
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	16	2, 7, 8, 9, 11,12
3	Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành bắt buộc	33	3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11,12
4	Khối kiến thức - kỹ năng tự chọn	12	2, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12
5	Thực tập sư phạm 1, 2 và thực tập tốt nghiệp	11	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11,12
	Tổng	93	

Khối kiến thức, kỹ năng chung (21 tín chỉ) bao gồm các học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Tin học; Tiếng Anh; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (16 tín chỉ) bao gồm các học phần: Tâm lý học đại cương; Giáo dục học và giáo dục học mầm non; Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Mĩ thuật; Âm nhạc và múa; Nghề giáo viên mầm non; Tiếng Việt thực hành, nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cần thiết cho việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (33 tín chỉ) bao gồm các học phần: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non; Quản lý trong GDMN; Vệ sinh-dinh dưỡng; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ; Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN; Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; Đánh giá trong GDMN; Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm; các học phần phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm

non. Với mục tiêu hình thành những kỹ năng thực hành chuyên sâu, giúp sinh viên có khả năng vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non.

Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn (12 tín chỉ) bao gồm các học phần thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: Phương pháp nghiên cứu khoa học; Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; Giao tiếp sư phạm mầm non; Giáo dục gia đình; Giáo dục hòa nhập; Tiếng Anh cho trẻ mầm non; Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc; Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ chơi cho trẻ; Phương pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số...giúp sinh viên bổ trợ, nâng cao những kiến thức, kỹ năng đã có để thích ứng với thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay của tỉnh.

Thực tập sư phạm 1, 2 và thực tập tốt nghiệp (11 tín chỉ): Đây là nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, thể hiện rõ ràng mức độ mà sinh viên đạt được hầu hết các chuẩn đầu ra quan trọng của chương trình đào tạo. Để tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn trong chương trình, đồng thời hoàn thành 16 tuần thực tập tại các cơ sở giáo dục mầm non trong tỉnh. Sinh viên được yêu cầu thực tập dưới sự giám sát của trưởng đoàn thực tập là giảng viên của Nhà trường và các giáo viên hướng dẫn tại cơ sở giáo dục mầm non chỉ định và phải thực hiện các công việc theo Kế hoạch thực tập.

Các khối kiến thức, kỹ năng được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5.2. Khung Chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Tổng số	Lý thuyết	TH, TL, BT
1. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUNG			21	375	253	122
1	CT.13	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	30	27	3
2	CT.70	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	45	40	5
3	CT.08	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	3
4	CT.01	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	27	3
5	CT.04	Pháp luật đại cương	2	30	27	
6	TA.56	Tiếng Anh 1	3	60	30	
7	TA.57	Tiếng Anh 2	3	60	30	
8	TC.01	Giáo dục thể chất 1		30		30
9	TC.02	Giáo dục thể chất 2		30		
10	TC.03	Giáo dục thể chất 3		30		
11	QP.08	Giáo dục quốc phòng - an ninh		165	77	
12	TI.50	Tin học	2	60	15	

13	CT.06	Quản lý Hành chính Nhà nước và quản lý ngành	2	30	30	
2. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			16	322	143	179
14	TL.11	Tâm lý học đại cương	2	30	25	5
15	TL.20	Giáo dục học và Giáo dục học mầm non	3	60	30	30
16	MN.20	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	3	45	40	5
17	MN.07	Mỹ thuật	2	60		60
18	AN.05	Âm nhạc và múa	2	52	7	45
19	MN.08	Nghề giáo viên mầm non	2	30	26	4
20	NV.24	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	30
3. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			33	855	309	546
21	MN.21	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	45	23	22
22	MN.19	Quản lý trong GDMN	2	30	30	
23	MN.26	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2	45	23	22
24	MN.10	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	45	23	22
25	TI.44	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	75	7	68
26	MN.101	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3	60	30	30
27	MN.02	Đánh giá trong GDMN	2	30	30	
28	MN.25	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2	45	23	22
29	MN.14	Phương pháp làm quen với văn học	2	60	15	45
30	MN.24	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	60	15	45
31	MN.23	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	60	15	45
32	MN.22	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	60	15	45
33	MN.15	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	60	15	45
34	MN.13	Phương pháp làm quen với toán	2	60	15	45
35	MN.12	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	60	15	
36	MN.17	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em mầm non	2	60	15	45
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 01 HP)			2	30	30	
37	TO.18	PP nghiên cứu khoa học	2	30	30	

38	SI.22	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	30	30	
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 02 HP)			4	60	60	
39	TL.30	Giao tiếp sư phạm mầm non	2	30	30	
40	MN.03	Giáo dục gia đình	2	30	30	
41	MN.04	Giáo dục hòa nhập	2	30	30	
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (Chọn 01 HP)			3	60	30	30
42	TA.62	Tiếng Anh cho trẻ mầm non	3	60	30	30
43	NV.43	PP tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS	3	60	30	30
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn D (Chọn 01 HP)			3	75	15	60
44	QV.50	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc	3	75	15	60
45	MT.33	Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ chơi cho trẻ	3	75	15	60
THỰC TẬP			11			
46	MN.06	Thực tập sư phạm 1 (2 tuần)	2			
47	MC.11	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	4			
48	MC.12	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	5			
BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP KHÁC						
1	Các chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên (20 tiết/chuyên đề)					
2	Các chuyên đề bồi dưỡng một số kiến thức nghiệp vụ nghề nghiệp cho SV					
Tổng toàn khóa (Chưa kể GDTC, GDQPAN và bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp)			93	1777	840	937

5.3. Kế hoạch giảng dạy và học tập

Học kì	TT	Tên học phần	Tín chỉ	Số tiết		
				Tổng	Lý thuyết	TH, TL, BT
I	1	Giáo dục thể chất 1: Khiêu vũ thể thao		30		30
	2	Tiếng Anh 1	3	60	30	30
	3	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	30	27	3
	4	Tâm lý học đại cương	2	30	25	5
	5	Pháp luật đại cương	2	30	27	3

	6	Mĩ thuật	2	60	0	60
	7	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	45	23	22
	8	Tin học	2	60	15	45
	9	Nghề giáo viên mầm non	2	30	26	4
		Tổng số:	17	345	173	172
II	1	Giáo dục thể chất 2: Bơi		30		30
	2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	45	23	22
	3	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	45	40	5
	4	Tiếng Anh 2	3	60	30	30
	5	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3	45	40	5
	6	Thực tập sư phạm 1 (2 tuần)	2			
	7	Giáo dục quốc phòng - an ninh (4 tuần)				
		Tổng số:	13	195	133	62
III	1	Giáo dục thể chất 3: Bóng chuyền		30		30
	2	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	60	15	45
	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	3
	4	Âm nhạc và múa	2	52	7	45
	5	PP phát triển ngôn ngữ	2	60	15	45
	6	PP làm quen với toán	2	60	15	45
	7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành	2	30	30	
	8	HP tự chọn (<i>Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B</i>)	2	30	30	
	9	HP tự chọn (<i>Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B</i>)	2	30	30	
		Tổng số:	16	352	169	183
IV	1	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	60	15	45
	2	Giáo dục học và Giáo dục học mầm non	3	60	30	30
	3	PP làm quen với văn học	2	60	15	45
	4	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	60	15	45
	5	PPGD thể chất cho trẻ mầm non	2	60	15	45
	6	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)	4			
		Tổng số:	15	300	90	210
V	1	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	2	75	7	68
	2	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3	60	30	30

	3	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2	45	23	22
	4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	27	3
	5	Vệ sinh, dinh dưỡng	2	45	23	22
	6	PP khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	60	15	45
	7	Quản lý trong giáo dục mầm non	2	30	30	
	8	HP tự chọn (<i>Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C</i>)	3	60	30	30
		Tổng số:	18	405	185	220
VI	1	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	30	
	2	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	30
	3	HP tự chọn (<i>Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A</i>)	2	30	30	
	4	HP tự chọn (<i>Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn D</i>)	3	75	15	60
	5	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	5			
		Tổng số:	14	180	90	90
Tổng toàn khóa:			93	1777	840	937

Ghi chú: Đối với các chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp khác cho sinh viên, được sắp xếp giảng dạy phù hợp với điều kiện thực tế theo Kế hoạch năm học của Nhà trường.

5.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra											
		Kiến thức						Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12
1. Khối kiến thức, kỹ năng chung													
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	x						x		x		x	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	x								x		x	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x						x		x		x	
4	Đường lối cách mạng	x						x		x		x	

	Đảng Cộng sản Việt Nam											
5	Pháp luật đại cương	x					x		x		x	
6	Tiếng Anh 1	x				x				x	x	
7	Tiếng Anh 2	x				x				x	x	
8	Giáo dục thể chất 1	x							x		x	
9	Giáo dục thể chất 2	x							x		x	
10	Giáo dục thể chất 3	x							x		x	
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	x									x	
12	Tin học	x				x		x			x	
13	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành	x						x			x	
2. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản												
14	Tâm lý học đại cương		x				x		x		x	x
15	Giáo dục học và Giáo dục học mầm non		x				x	x	x		x	x
16	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non		x			x	x	x	x		x	x
17	Mĩ thuật		x			x			x		x	x
18	Âm nhạc và múa		x					x			x	
19	Nghề giáo viên mầm non		x				x		x		x	x
20	Tiếng Việt thực hành		x						x		x	
3. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành												
21	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN			x		x		x	x		x	x
22	Quản lý trong GDMN				x		x	x	x		x	x
23	Vệ sinh - Dinh dưỡng			x		x	x	x	x		x	x
24	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn			x		x	x	x	x		x	x
25	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non					x		x			x	
26	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN				x	x	x	x	x		x	x
27	Đánh giá trong				x		x	x		x		

	GDMN												
28	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm			x		x			x			x	
29	Phương pháp làm quen với văn học					x	x		x			x	
30	Tổ chức hoạt động vui chơi					x			x	x		x	x
31	Tổ chức hoạt động tạo hình					x		x	x	x		x	x
32	Tổ chức hoạt động âm nhạc					x			x			x	
33	Phương pháp phát triển ngôn ngữ					x	x		x			x	
34	Phương pháp làm quen với toán					x	x	x	x	x		x	x
35	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh					x	x	x	x	x		x	x
36	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non			x		x			x			x	
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (chọn 01 HP)													
37	PP nghiên cứu khoa học		x				x	x	x			x	
38	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non		x					x				x	x
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (chọn 02 HP)													
39	Giao tiếp sư phạm mầm non		x					x	x	x		x	x
40	Giáo dục gia đình		x					x	x	x		x	x
41	Giáo dục hòa nhập		x					x	x	x		x	x
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (chọn 01 HP)													
42	Tiếng Anh cho trẻ mầm non					x					x	x	
43	PP tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số					x	x		x			x	x
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn D (chọn 01 HP)													
44	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc					x			x			x	
45	Nghệ thuật tạo hình và		x				x	x		x		x	x

	thiết kế đồ chơi cho trẻ												
Thực tập													
46	Thực tập sư phạm 1 (2 tuần)			x	x	x			x	x		x	x
47	Thực tập sư phạm 2 (6 tuần)			x	x	x	x	x	x	x		x	x
48	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp khác										x		x	x

6. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có sức khỏe để học tập; đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định và có nơi thường trú tại tỉnh Điện Biên.

7. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

7.1. Phương thức đào tạo: Nhà trường thực hiện đào tạo theo niên chế.

7.2. Tổ chức lớp học: Là phương thức tổ chức đào tạo theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khóa học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại.

7.3. Đánh giá kết quả học tập

Điểm học phần

Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm trung bình kiểm tra có trọng số 40% cộng với điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%.

Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra.

Điểm kiểm tra: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá phần thực hành, điểm kiểm tra giữa học phần điểm tiểu luận, bài tập lớn; Điểm kiểm tra được đánh giá theo hình thức kiểm tra viết, trắc nghiệm, thảo luận, chữa bài tập trên lớp, thực hành (đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành).

Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành là điểm của học phần thực hành đó; đối với các học phần thực tập thực hiện theo văn bản hướng dẫn về thực hành, thực tập; đối với các học phần làm khóa luận, điểm khóa luận tính là điểm đánh giá học phần.

Điểm kiểm tra, điểm trung bình kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần và điểm đánh giá học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm trung bình tích lũy

Là điểm trung bình của các học phần mà người học đã tích lũy tính từ đầu

khoá học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kì, năm học, khoá học.

Cách tính điểm trung bình học kỳ, năm học, toàn khóa: Điểm trung bình học kỳ, năm học, toàn khóa được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 01 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình học kỳ, năm học, toàn khóa

a_i là điểm của học phần thứ i ;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần đã học.

7.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên.

Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

8. Phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá

8.1. Phương pháp dạy - học

Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: thuyết trình, phát vấn, dạy học theo dự án, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành,...góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

TT	Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12
1	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
2	Phát vấn/Đàm thoại		x	x	x	x	x	x	x	x			
3	Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
4	Giảng giải	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
5	Làm mẫu/Thị phạm		x	x		x	x					x	
6	Thực hành	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x

7	Bài tập tình huống		x	x	x	x		x	x	x		x	x
8	Giao nhiệm vụ/ hướng dẫn học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Luyện tập	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
11	Đóng vai	x	x	x				x	x	x		x	x
12	Sử dụng trò chơi	x	x	x		x		x	x	x		x	x
13	Dạy học dự án	x										x	x

8.2. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Sử dụng đa dạng, kết hợp linh hoạt các phương pháp kiểm tra, đánh giá như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành tổ chức giờ học giả định, dự án theo nhóm, viết báo cáo,...góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12
1	Tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
2	Kết hợp tự luận và vấn đáp	x	x		x			x	x			x	x
3	Thực hành	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x
4	Trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Vấn đáp	x	x	x			x		x	x	x	x	x
6	Vấn đáp kết hợp thực hành	x	x	x		x	x		x	x		x	
7	Thực hành kết hợp trắc nghiệm	x	x	x			x		x	x		x	
8	Bài tập cá nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
9	Bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
10	Thuyết trình cá nhân/nhóm	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x
11	Thực hành tổ chức giờ học giả định		x			x	x	x	x	x	x	x	x
12	Bài thực hành theo nhóm nhỏ		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
13	Dự án theo nhóm						x					x	x

9. Các chương trình đào tạo được đối sánh

Chương trình đào tạo ngành GDMN trường CĐSP Điện Biên đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo với các trường Đại học, Cao đẳng chất lượng và uy tín trong nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo gồm có:

Chương trình đào tạo cử nhân GDMN của trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Đại học Tân Trào.

Chương trình đào tạo cao đẳng GDMN của trường Cao đẳng Sư phạm Trung Ương; Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình.

10. Mô tả nội dung các học phần

10.1 / *Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1, 2*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp đầy đủ nội dung kiến thức trong chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.2 / *Tư tưởng Hồ Chí Minh*

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1, 2.

- Học phần cung cấp đầy đủ nội dung kiến thức trong chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.3 / *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1, 2 và Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Học phần cung cấp đầy đủ nội dung kiến thức trong chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.4 / *Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp đầy đủ nội dung kiến thức trong chương trình quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo sử dụng trong các trường đại học sư phạm, cao đẳng sư phạm, trung học sư phạm và các khoa sư phạm nằm trong các trường, các học viện ngoài sư phạm ban hành theo Quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo..

10.5 / *Pháp luật đại cương*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hiến pháp, pháp luật, giới thiệu một số luật cơ bản nhằm giáo dục ý thức pháp luật, đồng thời hình thành cho sinh viên ý thức công dân; hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập, phấn đấu, rèn luyện, có thái độ đúng đắn trong thực hiện pháp luật thuộc lĩnh

vực học tập và công tác.

10.6/ Tiếng Anh 1, 2

Tiếng Anh 1

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp kiến thức ngôn ngữ nền tảng gồm ngữ pháp cơ bản (thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, tính từ sở hữu, cấu trúc there is/ there are, động từ thông dụng, lượng từ, đại từ chỉ định, can/can't) và từ vựng theo các chủ đề quen thuộc như gia đình, nghề nghiệp, thời tiết, thời gian, giải trí và cảm xúc. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức ngữ âm và các hoạt động rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày. Đồng thời, học phần tích hợp công cụ số để khai thác tài nguyên tiếng Anh, nâng cao hiệu quả học tập và bồi dưỡng năng lực số cho sinh viên.

Tiếng Anh 2

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

- Học phần cung cấp kiến thức ngôn ngữ cơ bản gồm các thì (quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần, hiện tại hoàn thành), từ loại (danh từ, tính từ, trạng từ), mạo từ, lượng từ, giới từ, so sánh tính từ, câu hỏi và từ vựng theo các chủ đề. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức ngữ âm nền tảng như trọng âm từ, âm cuối, cách phát âm một số âm khó. Thông qua các kiến thức ngôn ngữ đã được học rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Đồng thời, học phần cung cấp một số phần mềm ứng dụng để khai thác tài nguyên tiếng Anh, hỗ trợ dạy học tiếng Anh và rèn luyện năng lực số cho sinh viên.

10.7/ Giáo dục thể chất 1, 2, 3

Giáo dục thể chất 1: Khiêu vũ thể thao

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các điệu nhảy khiêu vũ thể thao; thực hiện mức cơ bản đúng kỹ thuật các bài giao tiếp, bài có cấp độ khó vừa và bài nhảy khiêu vũ thể thao hiện đại. Trên cơ sở kiến thức thu được, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe phục vụ cho việc học tập và công tác tốt sau này.

Giáo dục thể chất 2: Bơi

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử phát triển môn bơi; biết được mục đích, ý nghĩa, tác dụng và yêu cầu trong quá trình tập luyện môn bơi; thực hiện được kỹ thuật bơi ếch (Kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, kỹ thuật phối hợp tay và chân, kỹ thuật phối hợp tay chân kết hợp với thở, kỹ thuật đứng nước); phát triển các tố chất thể lực mạnh, nhanh, dẻo, bền và năng lực phối hợp vận động. Từ đó bồi dưỡng ý chí, phẩm chất đạo đức và nâng cao sức khỏe cho sinh viên.

Giáo dục thể chất 3: Bóng chuyền

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và phương thức tập luyện cơ bản của môn thể thao bóng chuyên; thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng và phát bóng. Hình thành cho sinh viên thói quen tập luyện và tổ chức cho mọi người tham gia tập luyện nhằm rèn luyện thói quen tự tập luyện để nâng cao sức khỏe phục vụ việc học tập và công tác sau này.

10.8/ Giáo dục quốc phòng - an ninh

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp đầy đủ nội dung kiến thức trong chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.9/ Tin học

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về soạn thảo văn bản với Microsoft Word; xử lý bảng tính với Microsoft Excel; trình chiếu với Microsoft PowerPoint và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập.

10.10 / Tâm lý học đại cương

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp những nội dung cơ bản khái quát về tâm lý học đại cương như: Tâm lý học là một khoa học; hoạt động, giao tiếp và sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí của nhân cách; trí nhớ; nhân cách và sự phát triển nhân cách. Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

10.11 / Giáo dục học và Giáo dục học mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương.

- Học phần cung cấp kiến thức:

Về giáo dục học gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học; phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; giáo dục và sự phát triển nhân cách.

Về giáo dục học mầm non gồm: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học mầm non; nguyên tắc, mục đích và nhiệm vụ của GDMN; chương trình GDMN; nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em; tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non; nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ mầm non; tính kế thừa của GDMN.

10.12 / Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương.

- Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em. Các học thuyết về sự phát triển tâm lý và sự học của trẻ em lứa tuổi mầm non. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em từ bào thai đến 6 tuổi. Một số nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học và giáo dục mầm non. Phương pháp nghiên cứu, đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em.

10.13 / *Mỹ thuật*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về vẽ mỹ thuật: Vẽ hình họa, Vẽ trang trí, Vẽ tranh, Cắt - Xé dán; ứng dụng kiến thức, kỹ năng của mỹ thuật vào trang trí trường, lớp ở trường mầm non; thực hiện số hóa các bài thực hành mỹ thuật trong chương trình học.

10.14 / *Âm nhạc và múa*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

Nhạc lí cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc. Hiểu các kí hiệu thông dụng trong bài hát, bản nhạc.

Đọc nhạc: một số bản nhạc giọng trưởng và thứ từ 3 dấu hóa trở lại.

Hát: một số bài hát trong chương trình Giáo dục mầm non.

Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa; một số kỹ năng múa các động tác dân gian cơ bản.

10.15 / *Nghề Giáo viên mầm non*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non: Khái niệm nghề giáo viên mầm non; nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; giao tiếp, ứng xử sư phạm, một số khó khăn và các tình huống sư phạm thường gặp của người giáo viên mầm non.

Nhân cách, các giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách của giáo viên mầm non; chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; các loại hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đối với giáo viên mầm non.

10.16 / *Phương pháp nghiên cứu khoa học*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp:

Kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; bản chất của nghiên cứu khoa học, cấu trúc logic của công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, quy trình xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương

pháp trình bày báo cáo khoa học; bước đầu vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI vào việc học tập, nghiên cứu.

Những nội dung cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, cách tiến hành nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

10.17 / Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp một số vấn đề chung về giáo dục môi trường; cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; quá trình giáo dục môi trường ở các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ nhằm tạo ra thái độ và hành vi đúng của trẻ đối với môi trường xung quanh.

10.18 / Tiếng Việt thực hành

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp những kiến thức nhằm phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên gồm: Kỹ năng tạo lập, tiếp nhận văn bản; rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu và kỹ năng về chính tả.

10.19 / Giao tiếp sư phạm mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

- Học phần cung cấp các nội dung: Khái niệm, đặc trưng của giao tiếp, giao tiếp sư phạm mầm non trong tâm lý học; giao tiếp sư phạm mầm non và sự phát triển nhân cách của trẻ; hình thức, nguyên tắc, các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm mầm non; phong cách và các kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non.

10.20 / Giáo dục gia đình

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về giáo dục gia đình hiện nay: Gia đình - chủ thể của các tương tác sư phạm và môi trường văn hóa - xã hội đối với sự phát triển của trẻ; vai trò, đặc điểm của gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của giáo dục gia đình; trẻ em và công ước quốc tế về quyền trẻ em; nhiệm vụ và nội dung giáo dục gia đình; phương pháp và biện pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường, những định hướng và yêu cầu của xã hội đối với ngành học, ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế - xã hội đối với GDMN trong chăm sóc và giáo dục trẻ. Bình đẳng giới và nội dung cơ bản về bình đẳng giới trong gia đình.

10.21 / Giáo dục hòa nhập

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Học phần cung cấp những vấn đề chung về giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non; tiến trình giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non; hỗ trợ trẻ khuyết tật trong trường mầm non hoà nhập.

10.22 / Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp khái niệm cơ bản về sự phát triển sinh lý trẻ em; các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ; đặc điểm sinh lý và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non.

10.23 / Vệ sinh - Dinh dưỡng

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản:

Về vệ sinh học: vi sinh vật và kí sinh trùng gây bệnh thường gặp; vệ sinh ở trường mầm non; vệ sinh chăm sóc trẻ; giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ.

Về dinh dưỡng học: Khái niệm và vai trò của dinh dưỡng; dinh dưỡng đối với trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo; xây dựng khẩu phần, thực đơn cho trẻ ở trường mầm non; giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ theo hướng tích hợp. Ứng dụng công nghệ số trong xây dựng khẩu phần, thực đơn và tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non.

10.24 / Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp những kiến thức về :

Chương trình GDMN (cách tiếp cận, nguyên tắc, hình thức thiết kế và các bước phát triển); phân tích chương trình GDMN. Các điều kiện thực hiện chương trình (yếu tố con người, cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất), lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

Lập kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện chương trình GDMN, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề. Xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN. Ứng dụng công nghệ số trong lập kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện chương trình GDMN.

10.25 / Tổ chức hoạt động vui chơi

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp những kiến thức chung về hoạt động vui chơi; phương pháp hướng dẫn các loại trò chơi ở trường mầm non. Tổ chức hoạt động vui chơi và đánh giá hoạt động vui chơi ở trường mầm non. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.

10.26 / Tổ chức hoạt động tạo hình

- Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật

- Học phần cung cấp cho sinh viên: Những vấn đề cơ bản về tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non; cách thức tổ chức hoạt động tạo hình ở trường mầm non: tổ chức cho trẻ làm quen với thiên nhiên và tranh ảnh; tổ chức hoạt động: vẽ, nặn, xếp dán tranh, hoạt động chắp ghép ở trường mầm non. Thực hành soạn giảng và ứng dụng một số phần mềm, trí tuệ nhận tạo trong tổ chức hoạt động tạo hình ở trường mầm non. Thực hiện số hóa các bài thực hành trong chương trình học.

10.27 / Tổ chức hoạt động âm nhạc

- Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc và múa.

- Học phần cung cấp những kiến thức về:

Ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ. Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, múa của lứa tuổi mầm non. Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp dạy trẻ hoạt động ca hát và nghe nhạc trong trường mầm non.

Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

10.28 / Phương pháp phát triển ngôn ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp những kiến thức về:

Ý nghĩa của việc phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ em.

Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức và điều kiện phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ em. Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong các cơ sở GDMN: Rèn luyện nghe và phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, nói mạch lạc, giáo dục văn hóa giao tiếp. Mục đích, nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức cho trẻ làm quen với đọc, viết. Ứng dụng công nghệ số trong lập kế hoạch, quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN.

10.29 / Phương pháp làm quen với văn học

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp kiến thức về: Đặc điểm, vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ thơ; các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện: Nghệ thuật đọc và kể chuyện diễn cảm, sử dụng các phương tiện trực quan, giảng giải, đàm thoại; các hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện; ứng dụng công nghệ số trong lập kế hoạch; tổ chức hoạt động; quan sát; đánh giá hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện; sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.

10.30 / Phương pháp làm quen với toán

- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Học phần cung cấp những kiến thức về:

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa và đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện hình thành các biểu tượng toán cho trẻ trong GDMN.

Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động hình thành biểu tượng toán như: Tập hợp - số và phép đếm, hình dạng, kích thước, không gian và thời gian; ứng dụng công nghệ số trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán.

10.31 / Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh

- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, những vấn đề lý luận chung trong phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh: Một số khái niệm (môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội), ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh, đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; cơ sở giáo dục của việc khám phá khoa học về môi trường xung quanh (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức phương tiện và điều kiện hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh). Sinh viên biết vận dụng công nghệ thông tin và công nghệ số phù hợp để lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

10.32 / Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Học phần cung cấp những kiến thức: Lý luận cơ bản về nhiệm vụ và nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ em mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất vận động và thói quen vận động. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động vận động của trẻ ở trường mầm non.

10.33 / Phòng bệnh và đảm bảo an toàn

- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Học phần cung cấp những kiến thức về phòng bệnh cho trẻ em: Các bệnh thường gặp ở trẻ em; sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp thường gặp; thuốc và cách sử dụng thuốc trong trường mầm non. Phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục vệ sinh an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

10.34 / Quản lý trong GDMN

- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Học phần cung cấp những kiến thức về:

Các vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục: Khái niệm, chức năng, các nguyên tắc, các phương pháp và quá trình quản lý giáo dục; các văn bản về quản lý giáo dục và GDMN.

Quản lý GDMN: mục tiêu, nhiệm vụ, các yêu cầu đối với GDMN; nội dung, các biện pháp quản lý nhóm, lớp mầm non; xây dựng kế hoạch về công tác quản lý nhóm, lớp mầm non.

10.35 / *Đánh giá trong GDMN*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp những kiến thức: Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của GVMN, chương trình GDMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN); sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá (quan sát, ghi lại, đánh giá sự học và phát triển của trẻ có ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện phát triển nội dung số về thiết kế một số bài trắc nghiệm trong đánh giá) nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu của từng trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ.

10.36 / *Ứng dụng CNTT trong GD mầm non*

- Điều kiện tiên quyết: Tin học, một số học phần chuyên ngành.

- Cung cấp những kiến thức và kỹ năng về tìm kiếm, khai thác tài liệu điện tử, phần mềm, trí tuệ nhân tạo. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng khai thác, sử dụng được các phần mềm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để thiết kế giáo án, bài giảng, hình ảnh, video ... trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

10.37 / *Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm*

- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp phát triển ngôn ngữ; Phương pháp làm quen với văn học.

- Học phần cung cấp các kiến thức, giá trị cơ bản của văn học dân gian trong giáo dục trẻ thơ. Khái quát sự phát triển của văn học viết cho thiếu nhi qua các thời kỳ. Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong và ngoài nước viết cho thiếu nhi. Ứng dụng công nghệ số trong thực hành rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm.

10.38 / *Tiếng Anh cho trẻ mầm non*

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp kiến thức tiếng Anh giao tiếp cơ bản qua các chủ đề quen thuộc như: chào hỏi, số đếm, gia đình, màu sắc, quần áo, rau củ, hoạt động hằng ngày... Trẻ được học từ vựng đơn lẻ, bảng chữ cái, phát âm và nói các câu đơn giản như: Hello, Hi, I love you, I like, I don't like... Đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Cụ thể: sử dụng được câu đơn giản để chào hỏi, giới thiệu tên tuổi, nói về sở thích; nghe hiểu chủ đề của hội thoại đơn giản, rõ ràng; đọc và xác

định thông tin trong văn bản đơn giản; viết câu đơn và nối câu bằng liên từ.

10.39 / Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc

- Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc và múa.

- Học phần cung cấp các kiến thức: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa; một số kỹ năng múa; các động tác múa dân gian cơ bản của một số dân tộc; một số điệu nhảy và các bài múa cho trẻ xem; phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo âm nhạc; dàn dựng biểu diễn một số thể loại múa và vận động theo âm nhạc cho trẻ mầm non.

10.40 / Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ chơi cho trẻ

- Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật.

- Học phần cung cấp các kiến thức:

Về ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật tạo hình; các quy tắc, hình thức xây dựng bố cục trang trí và bố cục tranh; giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của nghệ thuật tạo hình Việt Nam và thế giới; cách thức tìm kiếm, khai thác nguồn tư liệu số trong tìm hiểu nghệ thuật tạo hình.

Một số vấn đề chung về thiết kế đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non; thực hành thiết kế làm đồ dùng dạy học: làm tranh từ một số loại hạt, hoa lá khô, làm con rối theo cốt truyện, làm sân khấu múa rối. Thực hành làm đồ chơi: làm đồ chơi 2D, 3D từ giấy bìa, từ các nguyên vật liệu tái sử dụng, làm mô hình 3D. Cách thức tìm kiếm, khai thác nguồn tư liệu số trong thực hành làm dùng, đồ chơi cho trẻ ở trường mầm non. thực hiện số hóa các bài thực hành trong chương trình học.

10.41 / Phương pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp các kiến thức về: Mục tiêu, nguyên tắc tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số; nội dung và phương pháp tăng cường tiếng Việt; hướng dẫn ứng dụng công nghệ số trong lập kế hoạch bài học, tổ chức các hoạt động, quan sát; đánh giá các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số các độ tuổi ở lớp mẫu giáo đơn và lớp mẫu giáo ghép theo chủ đề.

10.42 / Kỹ năng nghề nghiệp khác

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần cung cấp các kiến thức, các kỹ năng như: Kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; kỹ năng ứng phó căng thẳng; kỹ năng thuyết phục; kỹ năng xây dựng quan hệ xã hội; kỹ năng hoạt động xã hội; kỹ năng giao tiếp... để tổ chức thực hành, vận dụng trong việc học tập, rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn và trong cuộc sống; tích cực tham gia các hoạt động xã hội của trường, tổ chức đoàn thể, xây dựng được hình ảnh sinh viên sư phạm năng động, tự tin trong học tập và làm việc.

10.43 / Thực tập sư phạm 1

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Tham quan, tìm hiểu thực tế các cơ sở GDMN. Bước đầu tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của GDMN, hệ thống tổ chức, loại hình trường, lớp mầm non; hình thành nhận thức ban đầu về tiếp cận tích hợp của chương trình GDMN. Tham gia các buổi thảo luận, xêmina, thực hiện các bài tập về quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ.

10.44 / Thực tập sư phạm 2

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Sinh viên tham gia vào các hoạt động sau: Quan sát, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý, điều kiện nhóm trẻ; làm việc với cha mẹ và cộng đồng; thiết kế môi trường giáo dục. Tham gia thảo luận, xêmina, làm các bài tập thực hành theo chương trình.

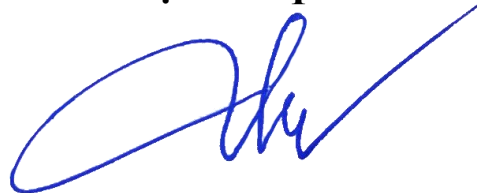
- Tham gia các hệ thống rèn luyện những kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế, thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

10.45 / Thực tập tốt nghiệp

- Điều kiện tiên quyết: Thực tập sư phạm 1, 2

- Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức, quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tuyết Mai